

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/DS-ST
Ngày: 14-7-2020
V/v tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;
2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Ngọc D, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: tổ 17, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Văn S; địa chỉ cư trú: Số 25/1 Bis, Thoại Ngọc Hầu, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang là Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Văn S và thuộc Đoàn luật sư An Giang; có mặt;

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đặng Hồng P, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: tổ 17, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

2.2. Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: tổ 17, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1959, địa chỉ cư trú: tổ 17, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có văn bản xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án các nguyên đơn bà Châu Ngọc D trình bày: Bà Nguyễn Thị Lệ T, cùng mẹ là Trần Thị Kim N có mượn bà số tiền 100.000.000đồng vào ngày 30/01/2015 có hứa là sẽ trả tiền vốn của bà vào ngày gần nhất, nhưng đến năm 2017 hứa trả 50.000.000đồng nhưng không có trả. Đến năm 2018 bà có xuống nhà hỏi thì ông P hứa 30/01/2019 trả cho bà được 20.000.000đồng, sau đó ông P hứa trả hàng tháng 2.000.000đồng được 8 tháng là 16.000.000đồng, như vậy tổng cộng ông P trả được 36.000.000đồng thì ngưng đến nay. Nay yêu cầu ông P, cùng vợ là bà T, mẹ là bà N trả số tiền 64.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà D rút lại phần khởi kiện bà N có nghĩa vụ liên đới trả tiền.

Bị đơn ông Đặng Hồng P trình bày: vào tháng 06(âm)/2016 ông và vợ là Nguyễn Thị Lệ T có mượn của bà Châu Ngọc D số tiền 100.000.000đồng lãi suất 3%/ tháng, ông bà đã nộp lãi đến tháng 3âm/2019 với số tiền 99.000.000đồng, trả vốn 36.000.000đồng, còn thiếu tiền vốn 64.000.000đồng. Tại buổi hòa giải ban ấp Thị 2 bà D cũng thừa nhận ông đã có đóng lãi đến trước tết 2019. Việc đóng lãi cho bà D không có giấy tờ gì chứng minh, chỉ nộp lãi hàng tháng theo nghĩa vụ, đến năm 2019 cha mẹ ông đến xin lãi bà D, bà D đồng ý không tính lãi. Nay đề nghị Tòa án xét xử cho tính lãi suất theo quy định của nhà nước, tiền lãi nộp dư trừ vào tiền vốn cho vợ chồng ông còn thiếu bà D.

Bà Trần Thị Kim N trình bày: Bà không có mượn tiền của bà D số tiền 100.000.000đồng, là do con bà P, T mượn. Nay bà D kiện bà không đồng ý trả tiền cho bà D. Do bà có công việc gia đình nên xin vắng mặt tất cả phiên hòa giải cũng như xét xử tại Tòa án.

Luật sư Trần Văn S trình bày: Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại phần khởi kiện bà N có nghĩa vụ liên đới trả tiền; bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền 64.000.000đồng, không yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi, bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000đồng, nguyên đơn không thỏa thuận được nên đề nghị Hội đồng xét xử: đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần khởi kiện Trần Thị Kim N có nghĩa vụ liên đới trả tiền; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông P cùng vợ là bà T trả số tiền còn thiếu là 64.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Châu Ngọc D khởi kiện ông Đặng Hồng P, bà Nguyễn Thị Lệ T tranh chấp về hợp đồng dân sự. Ông P, bà T có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định;

[1.2] Ông Đặng Hồng P trình bày vợ là Nguyễn Thị Lệ T đi hợp tác lao động ở Đài Loan, ông không cung cấp được địa chỉ cụ thể, hiện tại bà T vẫn còn hộ khẩu ở xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; gia đình có gọi điện thoại liên lạc và bà T cũng có về thăm nhà; bà T đi hợp tác lao động, không thông tin cho bà D biết về thay đổi địa chỉ; bà D căn cứ địa chỉ cư trú theo văn bản hợp đồng khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người thân của bà T có thông tin cho bà biết về việc bị khởi kiện đã có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Lệ T có nơi cư trú theo văn bản hợp đồng “tờ thảo thuận ghi ngày 30/01/2015” là ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

[1.3] Trần Thị Kim N có văn bản xin vắng mặt; bà Nguyễn Thị Lệ T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.4] Bà Châu Ngọc D tự nguyện rút lại phần khởi kiện Trần Thị Kim N có nghĩa vụ liên đới trả tiền. Xét thấy đây là sự tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Châu Ngọc D khởi kiện yêu cầu ông Đặng Hồng P, bà Nguyễn Thị Lệ T trả số tiền vay theo văn bản hợp đồng là 100.000.000đồng hiện tại bị đơn đã trả một phần còn thiếu là 64.000.000đồng, căn cứ khởi kiện là tờ thảo thuận ghi ngày 30/01/2015. Xét thấy hợp đồng vay tiền được giao kết giữa bà D và ông P, bà T là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Do ông P, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền trên cho bà D là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.2] Tại phiên tòa, ông P xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu trả dần của ông P không được bà D đồng ý và Hội đồng xét xử cũng không có căn cứ xem xét cho trả dần mà chỉ buộc thực hiện nghĩa vụ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông P yêu cầu Tòa án xét xử cho tính lãi suất theo quy định của nhà nước, tiền lãi nộp dư trừ vào tiền vốn cho vợ chồng ông còn thiếu bà D; tại phiên tòa, ông P xác định số tiền đã đóng lãi cho bà D, ông không có chứng cứ chứng minh vì vậy, không yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Ngọc D đối với Trần Thị Kim N có nghĩa vụ liên đới trả tiền; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Ngọc D đối với ông Đặng Hồng P, bà Nguyễn Thị Lệ T và xử như sau:

1) Buộc ông Đặng Hồng P, bà Nguyễn Thị Lệ T có nghĩa vụ trả cho bà Châu Ngọc D số tiền vay 64.000.000đồng (Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu đồng);

2) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

3) Về án phí: Ông Đặng Hồng P, bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.200.000đồng (Bằng chữ: Ba triệu hai trăm nghìn đồng);

4) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng

